

Bản án số: 168/2021/DT-ST

Ngày 16/11/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-DS ngày 24/02/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2021/QĐST-DS ngày 27/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N.

Trú tại: Đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H.

Trú tại: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân Đ và bà Trần Thị Bích H.

Trú tại: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Xuân Đ, bà Trần Thị Bích H có vườn cây cà phê tại địa bàn huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai. Qua quá trình mua bán phân bón của bà N nên có quen biết. Ông Đ, bà H có mua phân bón của bà N và ghi nợ, đến mùa thu hoạch sản phẩm sẽ thanh toán. Bà N đã đồng ý bán nợ phân bón cho ông Đ, bà H.

Hiện nay ông Đ, bà H còn nợ tiền phân bón như sau: Ngày 12/01/2017 chót nợ: 92.075.000 đồng; ngày 12/01/2017 nợ mới: 6.266.000 đồng; ngày 28/6/2017 nợ mới: 20.000.000 đồng và ngày 22/8/2017 nợ mới: 11.700.000 đồng. Tổng cộng: 130.041.000 đồng.

Từ ngày mua phân bón và chót nợ đến nay, mặc dù bà N đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà H vẫn không trả cho bà N số tiền nợ trên.

Vì vậy, nay bà N khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H phải trả cho bà N số tiền nợ gốc còn lại là 130.041.000 đồng.

Về lãi suất: Bà N yêu cầu số tiền lãi là 10%/năm, tính từ ngày mua phân bón, chót tiền nợ đến nay.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Xuân Đ trình bày:*

Vợ chồng tôi có mua phân bón nhiều năm và nhiều lần của bà N. Cụ thể: Ngày 12/01/2017, mua số tiền 92.075.000 đồng; ngày 12/01/2017, mua thêm đợt hai số tiền 6.266.000 đồng; tháng 6/2017, mua số tiền 44.480.000 đồng, vợ chồng tôi đã trả được 24.800.000 đồng, còn nợ số tiền 20.000.000 đồng và ngày 22/3/2017, mua số tiền 30.500.000 đồng, vợ chồng tôi đã trả được 18.800.000 đồng, còn nợ số tiền 11.170.000 đồng.

Tổng số tiền mua phân bón vợ chồng tôi còn nợ bà N là 130.041.000 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả được cho bà N số tiền 130.041.000 đồng. Vợ chồng tôi xin được trả dần cho bà N ít nhất 1 năm 10.000.000 đồng, nếu bán được đất chúng tôi sẽ trả hết cho bà N.

Về lãi suất, chúng tôi xin bà N không yêu cầu tính lãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N. Buộc ông Trần Xuân Đ, bà Trần Thị Bích H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền nợ gốc là 130.041.000 đồng và lãi suất 10%/năm, tính từ ngày ông Đ, bà H mua phân bón, chót tiền nợ đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc mua bán phân bón giữa bà Nguyễn Thị Thu N và vợ chồng ông Trần Xuân Đ, bà Trần Thị Bích H là có thật. Được thể hiện bằng giấy xác nhận nợ tiền phân bón giữa bà N và ông Đ, bà H và sự thừa nhận của các bên. Theo đó, ông Đ, bà H nợ tiền phân bón bà N như sau: Ngày 12/01/2017 chốt nợ: 92.075.000 đồng; ngày 12/01/2017 nợ mới: 6.266.000 đồng; ngày 28/6/2017 nợ 20.000.000 đồng; ngày 22/8/2017 nợ 11.700.000 đồng. Tổng cộng: 130.041.000 đồng.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H phải trả số tiền gốc 130.041.000 đồng là có căn cứ.

- Về lãi suất: Bà N yêu cầu ông Đ, bà H phải trả lãi suất là 10%/ năm là phù hợp với Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

92.075.000 đồng x 10%/ năm x 58 tháng 04 ngày = 44.605.000 đồng.

6.266.000 đồng x 10%/ năm x 58 tháng 04 ngày = 3.035.500 đồng.

20.000.000 đồng x 10%/ năm x 52 tháng 19 ngày = 8.772.000 đồng.

11.700.000 đồng x 10%/ năm x 52 tháng 25 ngày = 5.151.000 đồng.

Tổng cộng: 61.513.500 đồng.

Xét ý kiến của ông Đ, xin được trả dần số tiền nợ gốc cho bà N ít nhất 1 năm 10.000.000 đồng và xin không tính lãi. Tuy nhiên, ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, việc ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi mua phân bón của bà N là đã vi phạm quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, cũng như đảm bảo sự công bằng và làm lành mạnh hóa các giao dịch dân sự trong đời sống xã hội, xét yêu cầu bà N yêu cầu ông Đ, bà H phải trả số tiền nợ gốc mua phân bón là 130.041.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận. Ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền nợ phân bón là 191.554.500 đồng; trong đó nợ gốc 130.041.000 đồng; tiền lãi 61.513.500 đồng.

[4] Về án phí: Ông Đ, bà H phải chịu 9.577.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 4.766.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Đình H đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0013834 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N. Buộc vợ chồng ông Trần Xuân Đ, bà Trần Thị Bích H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu N tổng số tiền nợ phân bón là 191.554.500 đồng; trong đó nợ gốc 130.041.000 đồng; tiền lãi 61.513.500 đồng (tạm tính đến ngày 16/11/2021).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2] Về án phí: Ông Trần Xuân Đ, bà Trần Thị Bích H phải chịu 9.577.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 4.766.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Đình H đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0013834 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Dương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải